

SETTING trước khi nghịch với github VSCode

git --version: Kiểm tra version git.

git config --list: Check vài thứ linh tinh.

git config --global user.name "Yourname": Cài đặt tên cho người chỉnh sửa.

git config --global user.email "YourEmail@gmail.com": Cài đặt email cho người chỉnh sửa.

add -> commit -> push

// GIT COMMAND

git clone URL: Clone repo từ URL github.

git init: Tạo mới repository (kho chứa git mới)

git add .: Để lưu vùng sửa lỗi vào vùng staged hoặc bắt đầu theo dõi (tracked) file trong git.

git commit -m "Thông báo": Để lưu trữ dữ liệu được đánh dấu ở vùng Staged vào vùng dữ liệu git.

git log: Xem lịch sử commit.

git log --oneline: Xem lịch sử commit vắn tắt.

git log -n: Xem n commit mới nhất.

git checkout [Mã_commit] -- file_name: Phục hồi file ở commit cũ.

git status: Kiểm tra trạng thái của file trong thư mục git so với commit cuối cùng.

git checkout -- file_name: Phục hồi file theo commit cuối.

git commit --amend -m "Thông báo": Cập nhật lại commit cuối.

git diff: Kiểm tra sự thay đổi trong git so với commit cuối.

git diff branch_original branch_change: Kiểm tra sự thay đổi của 2 branch trước khi merge.

git diff [Mã_commit] [Mã_commit]: So sánh sự thay đổi của 2 commit.

git diff --staged: Xem sự thay đổi giữa staged và commit cuối.

git restore file_name: Khôi phục lại file hoặc dùng . để khôi phục tất cả theo commit cuối.

git remote add origin [URL]: Đồng bộ git trong máy và trên github

git push -u origin branch_name: Push git trong branch_name lên repo của github (chỉ sử dụng 1 lần).

git push: Push git trong máy lên repo github.

git branch branch_name: Tạo mới 1 branch (nhánh) khác cho repo.

git checkout branch_name: Truy cập hoặc chuyển qua lại giữa các branch.

git checkout -b branch_name: Tạo mới và truy cập vào branch.

git branch -d branch_name: Xóa branch.

git branch: Kiểm tra branch trong máy.

git push --set-upstream origin branch_name / git push origin branch_name: Thêm 1 branch lên repo của github.

git merge branch_name: Merge (ghép) các branch lại với nhau.

git pull: Lấy bản sao từ nhánh và hợp nhất với bản local hiện tại

git pull --no-commit: Tìm nạp content vào local nhưng không tạo commit merge mới.

clear: Xóa màn hình hiển thị.

// CMD COMMAND

cd folder_name/URL: Truy cập vào thư mục.

md folder_name_1 folder_name_2: Tạo 1 hoặc nhiều thư mục mới.

rd folder_name_1 folder_name_2: Xóa 1 hoặc nhiều thư mục.

dir folder_name: Liệt kê tất file và folder có trong thư mục.

del file_name: xóa file.

cls: Clear màn hình hiển thị.

Tạo và làm việc với branch

B1: Sử dụng lệnh git branch branch_name hoặc git checkout -b branch_name để tạo mới branch.

B2: Truy cập vào branch bằng lệnh git checkout branch_name.

B3: Add branch lên repo github bằng lệnh git push --set-upstream origin branch_name.

B4: Dùng lệnh git push để push lên vùng chỉnh sửa trong branch.

Bỏ qua file, folder không tracking.

B1: Tạo file .gitignore.

B2: Liệt kê các file hoặc folder hoặc các file có đuôi *.xxx để bỏ qua.

B3: Lưu vùng sửa đổi .gitignore bằng lệnh git add .gitignore

Pull request lên repo github

B1: Vào project trên github.

B2: Vào mục Pull requests và chọn New pull request.

B3: Chọn branch muốn compare.

B4: Kiểm tra commit và file thay đổi và phản hồi code bằng cách comment.

B5: Nhấn Create pull request nếu đã thấy mọi thứ đều ổn.

B6: Nhấn merge tất cả.